TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **209**/2025/DS-ST.
Ngày: 31/3/2025.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Mai Thị Thu Dung
Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Lê Thị Thu Hương
2. Bà Lê Thị Hải
- Thư ký phiên tòa : Bà Bùi Thị Thức
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận*** tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1312/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc *"tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1)

Trụ sở: H L, phường L, quận Đ, TP Hà Nội

ĐCLL: Lầu 1, B Q, Phường C, quận G, TP HCM.

Đại diện: Bà Tô Thị Thu T, Văn bản ủy quyền số 673303/2025/UNN-PUN-RCC ngày 20/3/2025 (*bà T có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Bị đơn: Bà Hồ Mai T1 năm: 1995

Địa chỉ: F T, Phường E, quận P, TP HCM.

(*bà T2 vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2024 và các lời khai trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (có ông Lâm Quang B đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngân hàng TMCP V (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) và bà Hồ Mai T2 có ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

- Ngày 10/11/2022, bà T2 có ký với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2211117416708 với các nội dung sau:

+ Số tiền vay: 200.000.000 (*hai trăm triệu*) đồng.

+ Mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng.

+ Lãi suất: 25%/năm.

+ Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân là ngày 15/11/2022 đến ngày 15/11/2027

- Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử LN2203295465210 ngày 28/3/2022 và thông báo điều chỉnh tăng hạn mức thẻ tín dụng ngày 03/11/2022 với các nội dung chính sau:

+ Hạn mức thẻ tín dụng: 84.000.000 (*tám mươi bốn triệu*) đồng;

+ Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ nhu cầu đời sống.

+ Lãi suất: 39,48%/năm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T2 đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại các Hợp đồng đã ký kết, các khoản vay đều chuyển sang nợ quá hạn.

Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T2 phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn nợ tạm tính đến ngày 10/02/2025 phát sinh từ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211117416708 ngày 10/11/2022 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử LN2203295465210 ngày 28/3/2022 là 512.249.416 (*năm trăm mười hai triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm mười sáu*) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 272.776.569 đồng;
- Nợ lãi: 239.472.847 đồng.

Chi tiết số nợ của từng hợp đồng tính đến ngày 10/02/2025 như sau:

a). Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2211117416708 ngày 10/11/2022: Tổng cộng là 316.418.340 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 189.052.212 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 127.366.128 đồng.

b). Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử LN2203295465210 ngày 28/3/2022: Tổng cộng là 195.831.076 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 83.724.357 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 112.106.719 đồng.

Và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/02/2025 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất nợ quá hạn quy định trong từng hợp đồng.

- Bị đơn bà Hồ Mai T2 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập làm bản tự khai; giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.* Đồng thời vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bổ sung phần tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/3/2025). Cụ thể :

Yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 532.820.311 (*năm trăm ba mươi hai triệu tám trăm hai mươi ngàn ba trăm mười một*) đồng. Chi tiết số nợ của từng hợp đồng cụ thể như sau:

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2211117416708 ngày 10/11/2022:

Nợ gốc: 189.052.212 đồng

Nợ lãi quá hạn: 137.488.219 đồng.

+ Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử LN2203295465210 ngày 28/3/2022:

Nợ gốc: 83.724.357 đồng

Nợ lãi quá hạn: 122.555.523 đồng.

Và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/4/2025 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất nợ quá hạn quy định trong từng hợp đồng.

- *Bị đơn vắng mặt không lý do.*

Do đó, Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án*:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Giữa nguyên đơn và bị đơn đã có thực hiện việc ký kết Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211117416708 ngày 10/11/2022 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử LN2203295465210 ngày 28/3/2022. Căn cứ vào Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay, bảng sao kê lịch sử thanh toán, số tiền lãi phát sinh, có đủ căn cứ để xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận mà hai bên đã ký kết. Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản

1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

[1.2]. *Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn*:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.3]. *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn*:

Ngay sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập làm bản tự khai; giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 272.776.569 *(hai trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm sáu mươi chín)* đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào nội dung Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211117416708 ngày 10/11/2022 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 ngày 28/3/2022 cho thấy: giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh quan hệ giao dịch bằng hợp đồng tín dụng, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ vào bảng sao kê do nguyên đơn cung cấp đối với khoản vay của Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2211117416708 ngày 10/11/2022, số tiền nợ gốc mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 10.947.788 đồng, còn 189.052.212 đồng chưa trả.

Căn cứ vào bảng sao kê do nguyên đơn cung cấp đối với khoản vay của Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 ngày 28/3/2022 cho thấy bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 83.724.357 đồng.

Như vậy, bị đơn đã vi phạm về thời hạn thanh toán theo như thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay mà hai bên đã ký kết.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 272.776.569 *(hai trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm sáu mươi chín)* đồng phát sinh từ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211117416708 ngày 10/11/2022 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng

thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử LN2203295465210 ngày 28/3/2022 là có căn cứ để được chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 260.043.742 *(hai trăm sáu mươi triệu không trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm bốn mươi hai)* đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2211117416708 ngày 10/11/2022 mà hai bên ký kết có quy định chi tiết mức lãi trong hạn, lãi điều chỉnh, lãi quá hạn. Do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán nên nguyên đơn được quyền tính lãi (trong hạn, quá hạn) là phù hợp theo thỏa thuận trong hợp đồng. Theo bảng sao kê mà nguyên đơn cung cấp cho thấy số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 31/3/2025 là 137.488.219 đồng.

Trong Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 ngày 28/3/2022 có nội dung thể hiện rõ việc kích hoạt thẻ tín dụng đầu tiên, chủ thẻ xác nhận và đồng ý chịu nghĩa vụ đối với ngân hàng theo toàn bộ nội dung tại Giấy đề nghị…về hạn mức tín dụng thẻ, lãi suất, phí. Mức lãi suất được quy định tại Điều 2 của biểu phí phát hành, sử dụng và biểu lãi suất thẻ tín dụng tại Ngân hàng - khối khách hàng cá nhân. Theo bảng sao kê mà nguyên đơn cung cấp cho thấy số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 31/3/2025 là 122.555.523 đồng.

Như vậy, tổng tiền lãi tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 260.043.742 *(hai trăm sáu mươi triệu không trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm bốn mươi hai)* đồng theo đúng bảng chi tiết sao kê mà nguyên đơn lập là có căn cứ để chấp nhận.

Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu tiền lãi từ ngày 01/4/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211117416708 ngày 10/11/2022 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử LN2203295465210 ngày 28/3/2022.

[3]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 31/3/2025 phát sinh từ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211117416708 ngày 10/11/2022 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử LN2203295465210 ngày 28/3/2022 là 532.820.311 (*năm trăm ba mươi hai riệu tám trăm hai mươi ngàn ba trăm mười một*) đồng, trong đó nợ gốc: 272.776.569 đồng, nợ lãi: 260.043.742 đồng.

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 01/4/2025 cho đến khi bị đơn trả hết nợ theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng.

[4]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận về việc đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

[5]. Về án phí:

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 25.312.812 (*hai mươi lăm triệu ba trăm mười hai ngàn tám trăm mười hai*) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. **Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.**

1.1. Buộc bị đơn bà Hồ Mai T2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 532.820.311 (*năm trăm ba mươi hai riệu tám trăm hai mươi ngàn ba trăm mười một*) đồng. Chi tiết số nợ của từng hợp đồng cụ thể như sau:

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2211117416708 ngày 10/11/2022:

Nợ gốc: 189.052.212 đồng

Nợ lãi quá hạn: 137.488.219 đồng.

+ Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử LN2203295465210 ngày 28/3/2022:

Nợ gốc: 83.724.357 đồng

Nợ lãi quá hạn: 122.555.523 đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Hồ Mai T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211117416708 ngày 10/11/2022 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử LN2203295465210 ngày 28/3/2022.

Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Bà Hồ Mai T2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 25.312.812 (*hai mươi lăm triệu ba trăm mười hai ngàn tám trăm mười hai*) đồng.

- Ngân hàng TMCP V được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.285.000 (*mười triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số 0055085 ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Dung